TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2018
V/v Ly hôn D – H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ

Ông Nguyễn Ngọc Đầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017 và lời khai của bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Võ Văn H chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng, ông H thì làm lơ xe, còn bà nội trợ trong nhà. Từ khi cưới đến nay ông H

chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, không lo kinh tế vợ chồng. Bà nhiều lần khuyên nhủ ông H chí thú làm ăn nhưng không được. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sống hơn 1,5 năm nay. Sau khi bà đi, ông H có năn nĩ bà không chịu về thì ông H quậy phá, la lối, đe dọa bà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Minh Nh, sinh năm 2002 và Võ Thị Yến N, sinh năm 2007. Cháu Nh sống với ông H, còn cháu N bà đang nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N, ông H nuôi cháu Nh. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên,Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và gửi cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo thời hạn, chưa tống đạt cho nguyên đơn là vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Chánh án chưa ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Các vi phạm trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, cần rút kinh nghiệm khắc phục.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà D được ly hôn ông H. Bà D được tiếp tục nuôi cháu Võ Thị Yến N, sinh năm 2007; ông H được tiếp tục nuôi cháu Võ Minh Nh, sinh năm 2002. Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Vế tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông H chung sống năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD năm 2004. Bà Diễm cho rằng vợ chồng chung sống nhưng ông H không lo làm ăn, đam mê cờ bạc nợ dẫn đến nợ nần, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sống hơn 1,5 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà xin ly hôn. Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hiền để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của

mình, trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn bà D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nhưng ông H không có ý kiến.

Qua xác minh được đia phương cho biết: Ông H là lái xe thường vắng nhà. Ông H có ăn chơi, thiếu quan tâm gia đình.

Bà Dvà ông H là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Ông H chỉ ham chơi, không quan tâm chia sẽ công việc gia đình là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trong. Bà D và ông H ly thân hơn một năm nay nhưng cả hai không còn thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn cho bà D được ly hôn ông H.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông H có 02 con chung tên Võ Minh Nh, sinh năm 2002 và Võ Thị Yến N, sinh năm 2007. Cháu Nh sống với ông H, còn cháu N bà D đang nuôi dưỡng. Cháu Nh có nguyện vọng tiếp tục sống với ông H; cháu N xin được sống với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử giao bà D được tiếp tục nuôi cháu N, ông H được tiếp tục nuôi cháu Nh. Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Võ Văn H.

Về quan hệ con chung: Bà D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Yến N, sinh năm 2007. Ông H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thành Nh, sinh năm 2002.

Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà D, ông H và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho nhau thăm nom con chung; không ai được cản trở bà D, ông H thực hiện quyền này.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017459

ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Bà D không còn phải nộp thêm án phí.

Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Dầu
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn